TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC THỦY** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 15/3/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC THỦY, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Thái Hùng Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hữu Thành.

Ông Lê Đắc Tỵ.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Dương - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2023/TLST- HNGĐ ngày 18/10/2023, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST - HNGĐ ngày 01/3/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị NTBH, sinh năm 1998, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh LVH, sinh năm 1988, vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn MT1, xã YB, huyện LTh, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10/10/2023, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, chị NTBH trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi kết hôn với anh LVH năm 2016, có đăng ký kết hôn ngày 12/7/2016 tại UBND xã YB, huyện LTh, tỉnh Hòa Bình. Trước khi kết hôn chúng tôi tìm hiểu nhau trên tinh thần tự nguyện, hai bên gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi ra ở riêng. Thời gian đầu chung sống vợ chồng có hạnh phúc, sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh LVH ham chơi không tu trí làm ăn, không quan tâm gì đến vợ con, tôi đã nhiều lần khuyên nhưng anh LVH không sửa chữa. Vì ham chơi mà anh LVH đã bán cả đất và nhà, không có chỗ ở dẫn đến tôi và con đã phải về nhà bố mẹ đẻ tôi để sinh sống. Vợ chồng không quan tâm gì đến nhau nữa, tôi xác định tình

cảm vợ chồng không còn gì, cả dịp tết âm lịch năm 2024 hai vợ chồng cũng không về ở chung. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh LVH.

- *Về con chung:* Tôi và anh LVH có 01 (một) người con chung tên là LAT, sinh ngày 24/02/2017, sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được quyền nuôi con chung, tôi chưa yêu cầu anh LVH cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, công nợ chung:* Không có, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh LVH: Tại biên bản lấy lời khai, anh LVH trình bày, tôi và chị NTBH kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã YB, huyện LTh, tỉnh Hòa Bình. Trước khi kết hôn chúng tôi tìm hiểu nhau là tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng tôi ở riêng. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng có hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, chưa hiểu nhau. Nay, chị NTBH xin ly hôn, tôi không nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- *Về con chung:* Vợ chồng tôi có 01 (một) người con chung là LAT, sinh ngày 24/02/2017, tôi có nguyện vọng xin được nuôi con, chị NTBH cũng có nguyện vọng nuôi con thì tôi cũng nhất trí.

- *Về tài sản chung, công nợ chung:* Không có, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, điều 71 của BLTTDS. Đối với bị đơn: Anh LVH mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, như vậy anh LVH đã từ bỏ quyền của mình quy định tại các Điều 70, 72 của BLTTDS. Tòa án tống đạt giấy triệu tập hợp lệ theo đúng quy định tại Điều 177 BLTTDS.

Nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị NTBH và anh LVH mâu thuẫn đã lâu, không còn quan tâm đến nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình (HN&GĐ) năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn và giải quyết cho chị NTBH được ly hôn với anh LVH.

- *Về con chung*: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật HN&GĐ giao con chung là LAT cho chị NTBH trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị NTBH chưa yêu cầu anh LVH cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị HĐXX giải quyết.

- *Về tài sản chung, công nợ chung*: Chị NTBH, anh LVH khai không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Về án phí*: Đề nghị HĐXX tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; HĐXX nhận định:

[1]. Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn MT1, xã YB, huyện LTh, tỉnh Hòa Bình nên Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh LVH đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, trình bày ý kiến nhưng không có mặt theo giấy triệu tập. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh LVH theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS là phù hợp.

[3]. Về nội dung vụ án:

** Về quan hệ hôn nhân:* Chị NTBH và anh LVH kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại tại UBND xã YB, huyện LTh, tỉnh Hòa Bình. Quan hệ hôn nhân giữa chị NTBH và anh LVH là tự nguyện, hợp pháp. Trong thời gian chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, từ năm 2023 mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu gay gắt, chị NTBH và anh LVH ly thân nhau. Nguyên nhân do anh LVH không tu chí làm ăn và không quan tâm gì đến vợ con, chị NTBH và anh LVH không còn chăm sóc nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, tống đạt hợp lệ để hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh LVH không có mặt, chỉ đến khi Tòa án ra thông báo hòa giải, công khai tại UBND xã YB thì anh LVH mới có mặt, theo lời trình bày của chị NTBH thì cả dịp tết âm lịch năm 2024 hai vợ chồng cũng không về ở chung, tại phiên tòa anh LVH vắng mặt không có lý do. Từ đó cho thấy, anh LVH không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Như vậy, có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị NTBH và anh LVH đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu được ly hôn của chị NTBH là có căn cứ, cần được chấp nhận. Căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị NTBH được ly hôn anh LVH.

** Về con chung:* Chị NTBH và anh LVH có 01 con chung là cháu LAT, sinh ngày 24/02/2017. Chị NTBH vẫn luôn là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nay ly hôn, chị NTBH có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chưa yêu cầu anh LVH phải cấp dưỡng; Cháu LAT có nguyện vọng ở với mẹ, do vậy giao cho chị NTBH trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu LAT cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

** Về tài sản chung, công nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[4]. Về án phí:

Chị NTBH phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 177; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 BLTTDS;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, xử cho chị NTBH được ly hôn với anh LVH.

2. Về con chung:

Giao con chung LAT, sinh ngày 24/02/2017 cho chị NTBH trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu LAT đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh LVH được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị NTBH chưa yêu cầu anh LVH cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Chị NTBH phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001856 ngày 18/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy. Chị NTBH đã nộp xong.

4. Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày. Đối với nguyên đơn có mặt tính từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt thì tính từ ngày được tống đạt hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Thủy;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy;
- Các đương sự;
- UBND xã YB;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Thái Hùng Dũng